

Bản án số: 117/2023/DS-PT

Ngày 26/5/2023

V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2022/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. R, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị H, sinh năm 1988; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K8A, xã TH, huyện T, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Ông Lê Hữu Ph, sinh năm 1975; (vắng mặt không lý do)

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982; (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: tổ 13 Lý Thị S, khu phố Ch, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Th - bị đơn.

Cơ quan kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Thị H trình bày:** Nguyên vào ngày 06/9/2017 vợ chồng ông Lê Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Th có làm biên nhận vay của tôi số tiền 600.000.000 đồng để trả tiền mua nhà và hứa sẽ trả lại cho tôi trong thời gian một tháng và hứa trả lãi cho tôi mỗi ngày 2.400.000 đồng vợ chồng ông bà có làm biên nhận nhận tiền. Nhưng

từ lúc vay đến nay ông Ph bà Th không trả lãi và cũng không trả gốc cho tôi. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Lê Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Th trả cho tôi số tiền vay vốn gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và yêu cầu trả tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2017 cho đến khi xét xử xong vụ án.

*** Bị đơn ông Lê Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Th:** Vắng mặt không lý do. Tại bản tự khai ngày 24/03/2021 có ý kiến thừa nhận khoảng tháng 9/2017 có mượn cô H 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) không tính lãi suất. Bà Th, ông Ph cho rằng đã trả cho bà H nhiều lần đến cuối năm 2018 đã trả hết nợ cho cô H với số tiền 600.000.000 đồng nhưng ông Ph, bà Th không có cung cấp chứng cứ gì chứng minh đối với việc trả nợ.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2022/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. R, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Thạch Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với bị đơn – Ông Lê Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Th.

2. Buộc bị đơn – Ông Lê Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Th trả cho nguyên đơn – Bà Thạch Thị H số tiền vốn gốc 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi là 473.980.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi là 1.073.980.000 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 12/01/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị Th kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân Tp. R, tỉnh Kiên Giang về vấn đề tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

* Ngày 27/01/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố R có quyết định kháng nghị bản án sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân Tp. R, nội dung kháng nghị bản án sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng pháp luật của Bộ luật dân sự, trong khi giao dịch dân sự phát sinh năm 2017 nhưng lại áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết. Theo hồ sơ thể hiện các bên vay nợ không thời hạn, không có lãi và có tranh chấp về lãi suất, do đó, việc tính lãi suất từ ngày 06/9/2017 và tính lãi suất 150% lãi suất trong khoản tiền vay là không phù hợp, từ đó dẫn đến sai sót trong tính án phí, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo phân tích trên.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Đại diện Viện kiểm sát: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang và sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phía nguyên đơn, bị đơn anh Ph không có đơn kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt hai lần không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt họ. Đối với chị Th là người kháng cáo nhưng vắng mặt hai lần không lý do, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của chị Th.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về việc áp dụng pháp luật, theo lời khai của các bên đều thể hiện giao dịch mượn tiền vào ngày 06/9/2017, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ kiện là có sai sót, do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát về việc áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về lãi suất, Hội đồng xét xử xét việc các bên giao dịch mượn tiền không thể hiện mức lãi, phía bên chị Th cho rằng các bên có thỏa thuận mức lãi là 2.400.000 đồng mỗi ngày và thời hạn vay một tháng, còn bên chị H cho rằng đây là giao dịch mượn tiền không có lãi, như vậy các bên có tranh chấp về lãi suất, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ, tức là 10%/năm. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định áp dụng Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 để tính lãi suất 1,125%/tháng, nhưng khi tính lãi suất tháng đầu là 10%/năm của số tiền vay, còn các tháng còn lại tính 150% của lãi suất 10%/năm là có sai sót, do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật. Hội đồng xét xử tính lại tiền lãi của số tiền vay 600.000.000 đồng từ ngày 06/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/12/2022 như sau:

$$(600.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}) \times 63 \text{ tháng} = 916.399.000 \text{ đồng}$$

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về án phí dân sự sơ thẩm, do bản án dân sự sơ thẩm bị sửa án về số tiền lãi vợ chồng anh Ph, chị Th có nghĩa vụ trả nợ chị H nên áp dụng khoản 2 Điều 168 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như sau:

$36.000.000 \text{ đồng} + (116.399.000 \times 3\%) = 39.491.970 \text{ đồng}$ (làm tròn số 39.492.000 đồng)

Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ xét xử phúc thẩm phần nội dung kháng cáo của chị Th, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố R và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía chị Th phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần nội dung kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Th.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: số: 72/2022/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với bị đơn anh Lê Hữu Ph và chị Nguyễn Thị Th.

2. Buộc bị đơn anh Lê Hữu Ph, chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn chị Thạch Thị H số tiền vốn gốc 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi là 316.399.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi là 916.399.000 đồng (chín trăm mười sáu triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy

định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ph, chị Th phải có nghĩa vụ liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 39.492.000 đồng (ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn đồng).

Nguyên đơn chị H không phải chịu nộp tiền án phí. Hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 14.000.000 đồng theo biên lai thu số 0008485 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Th phải chịu nộp 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005031 ngày 27/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND Tp. R;
- CCTHADS Tp. R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Lâm Sơn